

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống chậm theo triều, khu vực nội đồng mức nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước lên theo triều. Mức nước cao nhất ngày 15/3 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-45cm. Mức nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-15cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mức nước lên chậm, mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 15/3 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-55cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 15/3 phổ biến ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-40cm.
- Khu vực cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống nhanh, đỉnh triều cao nhất ngày 15/3 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 51cm, xuống 18cm so với đỉnh triều ngày hôm

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mức nước trên các sông, kênh lên theo triều trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mức nước trên các sông, kênh, rạch lên theo kỳ triều đầu tháng Hai Âm lịch trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mức nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.
- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm theo xu thế triều biến Tây trong những ngày tới.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 17/3/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	15/3		14/03						16/3	17/3	18/3	19/3	20/3
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	135	2	▲	4	▲	32	▲	136	138	141	145	150
					Hmin	-11	-7	▼	-2	▼	-13	▼	-17	-20	-21	-18	-15
Ông Chương	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	147	2	▲	9	▲	43	▲	149	152	155	159	164
					Hmin	-22	-8	▼	2	▲	2	▲	-28	-31	-32	-29	-26
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	120	-11	▼	9	▲	17	▲	117	114	112	114	117
					Hmin	34	-3	▼	-3	▼	1	▲	31	28	25	22	18
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	153	2	▲	4	▲	43	▲	154	156	158	162	167
					Hmin	-13	-9	▼	-4	▼	-9	▼	-19	-22	-23	-20	-17
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	161	1	▲	7	▲	54	▲	163	165	168	172	178
					Hmin	-16	-10	▼	4	▲	19	▲	-22	-25	-26	-23	-20
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	148	1	▲	5	▲	41	▲	149	151	154	158	164
					Hmin	-18	-7	▼	3	▲	-2	▼	-24	-27	-28	-25	-22
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	49	-4	▼	9	▲	15	▲	48	47	46	47	48
					Hmin	17	-3	▼	3	▲	7	▲	16	15	14	13	14
	Vĩnh Giã	200	240	280	Hmax	38	-2	▼	9	▲	12	▲	37	36	35	36	37
					Hmin	28	-4	▼	4	▲	6	▲	27	26	25	24	25
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	45	-3	▼	6	▲	10	▲	44	43	42	43	44
					Hmin	39	-3	▼	6	▲	10	▲	38	37	36	35	36
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	46	-3	▼	5	▲	14	▲	45	44	43	44	45
					Hmin	37	-3	▼	2	▲	11	▲	36	35	34	33	34
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	54	-3	▼	7	▲	16	▲	53	52	51	52	53
					Hmin	45	-2	▼	5	▲	13	▲	44	43	42	41	42
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	60	-4	▼	16	▲	24	▲	58	57	58	59	60
					Hmin	24	-3	▼	5	▲	11	▲	22	20	19	20	21
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	74	-3	▼	19	▲	39	▲	72	71	72	73	74
					Hmin	52	-1	▼	12	▲	27	▲	50	48	47	48	49
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	62	-1	▼	16	▲	22	▲	60	59	60	61	62
					Hmin	50	3	▲	12	▲	19	▲	48	46	45	46	47
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	40	-1	▼	13	▲	20	▲	38	37	38	39	40
					Hmin	25	-2	▼	7	▲	11	▲	23	21	20	21	22
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	94	-4	▼	24	▲	43	▲	92	91	92	93	94
					Hmin	68	-3	▼	14	▲	32	▲	66	64	63	64	65
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	115	-9	▼	19	▲	41	▲	113	112	113	114	115
					Hmin	60	-2	▼	9	▲	21	▲	58	56	55	56	57
Rạch Giá- Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	90	-3	▼	24	▲	32	▲	88	87	88	89	90
					Hmin	57	-4	▼	15	▲	18	▲	55	53	52	53	54
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	74	-4	▼	23	▲	26	▲	72	71	72	73	74
					Hmin	53	-2	▼	12	▲	20	▲	51	49	48	49	50

Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	58	-2	▼	23	▲	25	▲	56	55	56	57	58
					Hmin	42	-4	▼	14	▲	28	▲	40	38	37	38	39
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	38	-5	▼	15	▲	6	▲	35	34	33	34	35
					Hmin	15	-3	▼	0	◀▶	36	▲	13	11	9	7	5
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	51	-18	▼	13	▲	13	▲	45	41	39	40	47
					Hmin	-18	-9	▼	6	▲	16	▲	-16	-14	-18	-21	-26

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▶◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





